

MỐI QUAN HỆ GIỮA VĂN HÓA TỘC NGƯỜI VÀ DU LỊCH VĂN HÓA CỘNG ĐỒNG Ở VÙNG DÂN TỘC THIỂU SỐ VIỆT NAM

Trần Thị Mai Lan

Viện Dân tộc học, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam

Tóm tắt: Trong những năm gần đây, việc phát triển du lịch ở vùng núi, lấy văn hóa tộc người làm cơ sở, nền tảng để thu hút khách đã và đang diễn ra ở nhiều địa phương, trong đó có vùng cao biên giới, vùng đồng bào thiểu số đặc biệt khó khăn. Du lịch đã góp phần nâng cao đời sống, xóa đói giảm nghèo cho một bộ phận dân cư miền núi, góp phần tăng nguồn thu cho ngân sách địa phương. Tuy nhiên, những tác động trái chiều từ du lịch đến cộng đồng và tính bền vững của hoạt động du lịch văn hóa cộng đồng ở các địa phương đang tạo nên những thách thức đối với các cơ quan quản lý văn hóa và phát triển du lịch miền núi, đòi hỏi họ phải có những giải pháp điều chỉnh hoạt động du lịch cộng đồng ở địa phương trong thời gian tới.

Từ khóa: văn hóa tộc người, du lịch, du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa

Nhận bài ngày 17.10.2021; gửi phản biện, chỉnh sửa và duyệt đăng ngày 22.11.2021

Liên hệ tác giả: Trần Thị Mai Lan; Email: lantran1008@yahoo.com

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong những năm gần đây, loại hình du lịch văn hóa ở Việt Nam ngày càng phát triển và khẳng định chỗ đứng của mình, nhất là từ năm 1997 trở lại đây, khi Việt Nam bước vào thời kỳ đẩy mạnh công cuộc đổi mới theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Du lịch văn hóa ở Việt Nam đã và đang mở rộng phạm vi hoạt động của mình lên địa bàn miền núi, biên giới, nơi sinh sống của đồng bào các tộc người thiểu số. Nhờ có sự phát triển của loại hình du lịch này mà thu nhập của một bộ phận người dân được nâng cao, cơ hội giao lưu và tiếp xúc văn hóa được mở rộng. Du lịch đến các vùng núi - nơi sinh sống chủ yếu của các tộc người thiểu số - cũng đã bắt đầu phát triển vào thời gian này theo nhiều hình thức đa dạng: Cá nhân, tập thể, chính thức thông qua các tour du lịch hoặc ngẫu hứng, thu hút lượng khách đáng kể trong nước và quốc tế. Sau một thời gian hoạt động, thực tế đã chứng minh rằng việc làm du lịch cộng đồng ở các địa phương miền núi không đơn giản như cách hiểu của người dân và không thực sự bền vững như mong đợi của chính quyền địa phương. Điều đó khiến cho một số địa phương vùng cao phải đối mặt với nhiều cơ hội và thách thức mới về kinh tế và văn hóa do du lịch mang lại.

2. NỘI DUNG

2.1. Các quan điểm khác nhau về mối quan hệ giữa văn hóa tộc người và du lịch văn hóa

Xu hướng hiện nay trên thế giới là càng ngày người ta càng quan tâm, ưa thích những tour du lịch đến những vùng cư trú của các dân tộc có bản sắc văn hóa mới lạ. Người đi du lịch không chỉ muốn dành thời gian của mình cho việc nghỉ ngơi, thưởng ngoạn cảnh đẹp mà còn muốn khám phá, *ngiên cứu nghiệp dư* những môi trường văn hóa lạ lẫm so với văn hóa của họ [1, tr. 320]. Các nhà nghiên cứu về du lịch Việt Nam cho rằng: *du lịch không chỉ là ngành xuất khẩu tại chỗ mà còn là ngành xuất khẩu vô hình. Cảnh quan thiên nhiên, khí hậu, giá trị của những di tích văn hóa lịch sử, tính độc đáo trong truyền thống, phong tục tập quán...không bị mất đi qua mỗi lần bán, thậm chí giá trị và uy tín của nó còn tăng lên qua mỗi lần đưa ra thị trường nếu như chất lượng phục vụ du lịch cao* [2, tr. 54] hay *du lịch là một trong những ngành hết sức phụ thuộc vào môi trường thiên nhiên cũng như vào các đặc trưng văn hóa và xã hội của các cư dân bản địa* [6].

Trong số các nhà nghiên cứu nhân học du lịch nước ngoài, Grant Evans quan tâm nhiều hơn đến những tác động mang tính tiêu cực của du lịch đối với sự nguyên vẹn của văn hóa truyền thống. Ông quan niệm rằng: *du lịch tộc người là diễn ra ở nơi nào đó mà có người của các tộc thiểu số được đưa ra “trưng bày”, ông cũng nhận định về tác động tất yếu của các hoạt động du lịch đối với văn hóa là: điều trông như thể là tính dai dẳng của truyền thống đối mặt với sự tấn công dữ dội ồ ạt của du lịch thì trên thực tế là một văn hóa đã biến đổi...hay Về mặt lịch sử, văn hóa con người luôn luôn ở trong quá trình biến đổi, lúc nhanh lúc chậm, có khi do ngoại lực, có khi do nội lực. Du lịch chỉ là một trong những chặng cuối trong lịch sử biến đổi lâu dài đó, du lịch, trong một số tình huống, có tính hủy hoại và làm hạ cấp về mặt văn hóa; tác động đối với xã hội là: tác động của du lịch có thể thấy trong việc thương mại hóa ngày càng tăng các mối quan hệ chủ - khách* [4].

Khi viết về những mặt trái của du lịch văn hóa tộc người, Grant Evans cho rằng, khách du lịch được mời đến thăm những tộc người *không bị văn minh đụng chạm đến* để chứng kiến những *lễ thức trường tồn* và để chụp ảnh những người dân làng hiện vẫn đang thực thi những *truyền thống cổ* và đang *tạo tác những vật phẩm đích thực*. Song mở ra cho du lịch là chẳng mấy chốc làm *hư hỏng* những địa chỉ đó, và rồi để mua vui cho những ai đi tìm *cái lạ*, một xóm làng hoặc một văn hóa nào khác lại được công nghệ du lịch tham lam vô độ phát hiện ra [4]. Grant Evans cũng băn khoăn về chất lượng và ý nghĩa đích thực của các sản phẩm du lịch: *một số những khái niệm chính mà các nhà nhân học đã dùng để tìm cách hiểu du lịch, chẳng hạn như hàng hóa hóa văn hóa và tính xác thực được dàn dựng để trở thành hàng hóa... Tư tưởng hàng hóa hóa văn hóa thì khá dễ hiểu. Nó quy về một tình thế mà các đồ tạo tác vốn trước kia được lưu hành trong một nhóm người vì tính hữu dụng của chúng hoặc chúng có mang một ý nghĩa nghi thức hoặc tôn giáo nào đó, nay đã trở thành những vật được sản xuất ra để trao đổi trong một buổi chợ du lịch. Đồ chạm khắc, tranh vẽ, mô hình nhà... được sản xuất hàng loạt để khách du lịch tiêu thụ, cũng như vậy, những điệu múa và nghi lễ cổ truyền trước kia được trình diễn ở hội lễ hoặc trong những lễ tôn giáo nay trở*

thành bộ phận trong danh mục công nghệ du lịch. Bằng cách này, du lịch được coi là đã tước bỏ ý nghĩa của các hoạt động này, biến chúng thành một thứ hàng hóa có thể mua bán như mọi thứ khác. [4, tr. 461]

Trong nghiên cứu của mình và đồng sự, Michael Digregorio cho rằng du lịch có thể làm tổn hại đến dân tộc thiểu số nhiều hơn so với những lợi ích mà nó mang lại [7, tr 8]. Mark E. Grindley báo động về sự khó phục hồi của các tác động tiêu cực của du lịch, tuy trước mắt có thể chưa nhìn thấy ngay. Ông cho rằng du lịch chưa mang lại lợi ích cho dân tộc thiểu số - những người gây áp lực chủ yếu lên tài nguyên rừng, cũng chưa trực tiếp đóng góp trở lại cho việc bảo tồn và phát triển tài nguyên rừng - yếu tố hấp dẫn khách du lịch mang tính chất lâu bền hơn [7, tr 10]. Eric Cohen cho rằng, du lịch vào cộng đồng người miền núi không phải được tiến hành chủ yếu để mở mang lợi ích kinh tế hay những lợi ích của dân làng mà vì các bộ lạc miền núi là một hấp dẫn, và khách du lịch được dẫn đến xem họ như thể là đi xem bất kỳ một danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử nào khác [4, tr 466].

Về một trong số các sản phẩm du lịch văn hóa là các đồ thủ công do người dân các dân tộc thiểu số làm ra, Eric Cohen đánh giá như sau: *Sự phát đạt của đồ thủ công của các bộ lạc là một trong những hoạt động sinh lợi nhất... Sự phát đạt đó đã dẫn đến một niềm tự hào nào đó về những sản phẩm dân tộc và những thứ đó được đem đi diễn bán như thể là những đặc trưng dân tộc, nó đã giúp đỡ trong việc bảo tồn hoặc làm sống lại những kỹ năng xưa. Mặt khác, ông cũng nhận định rõ ràng: thương mại hóa gia tăng đã dẫn đến chuẩn mực hóa môtip và biến đổi phong cách đồ thủ công [4, tr 466, 467]*

Nhìn chung, các nhà nghiên cứu đều nêu lên mối quan hệ qua lại giữa du lịch và thiên nhiên, văn hóa. Dựa vào thiên nhiên, văn hóa đặc trưng của mỗi địa phương mà hoạt động du lịch ở địa phương đó mới có thể phát triển và ghi lại dấu ấn riêng. Ngược lại, giá trị tộc người và văn hóa của mỗi địa phương cũng sẽ được biết đến, được nâng cao giá trị nhờ các hoạt động quảng bá và tham quan du lịch. Bên cạnh đó, các nhà nghiên cứu cũng dành nhiều quan tâm đến những tác động không mong muốn của du lịch đối với môi trường thiên nhiên, cuộc sống và văn hóa truyền thống của các tộc người thiểu số ở các địa phương có hoạt động du lịch. Họ đã chỉ rõ và dự báo về những nguy cơ mà du lịch gây tổn hại đến chính những yếu tố cơ bản tạo nên sức hút đối với khách du lịch và cảnh báo nếu không có những biện pháp can thiệp thích hợp và kịp thời thì tại một số điểm du lịch văn hóa tộc người sẽ không tránh khỏi tình trạng bị suy thoái về thiên nhiên, mất dần hoặc bị hạ cấp về văn hóa, du lịch cũng không thể phát triển được ở những địa phương như vậy.

2.2. Mối quan hệ tương hỗ giữa văn hóa tộc người và du lịch văn hóa cộng đồng

Du lịch văn hóa muốn tồn tại và phát triển được cần phải dựa trên các yếu tố chính là cảnh quan thiên nhiên và văn hóa các tộc người. Văn hóa tộc người góp phần hình thành và phát triển các hoạt động du lịch ở địa phương, tạo nên dấu ấn, sức hấp dẫn riêng của địa phương. Nếu một địa phương không có gì đặc sắc về cảnh quan, khí hậu, cũng không có nét đặc sắc gì về văn hóa của người dân sinh sống tại đó thì địa phương đó không thể là điểm dừng chân cho các đoàn khách du lịch. Nếu một địa phương chỉ có cảnh quan đẹp và khí hậu

tốt thì sức hút đối với du lịch của địa phương đó cũng không thể đạt được tới mức độ cao. Một địa phương mà có cả hai yếu tố: cảnh quan thiên nhiên đẹp, khí hậu trong lành, văn hóa dân tộc đặc sắc và biết kết hợp chúng lại thì nơi đó sẽ là một tiềm năng phát triển du lịch đầy hứa hẹn. Có khá nhiều các địa điểm như vậy trên cả nước đã được khám phá và đưa vào khai thác du lịch có hiệu quả khi mà khách du lịch đã cảm thấy quá quen thuộc và nhàm chán các điểm du lịch chỉ thuần túy dựa vào cảnh sắc thiên nhiên.

Văn hóa tộc người ở mỗi địa phương có sức thu hút đặc biệt đối với khách du lịch, nhất là những khách du lịch nước ngoài ưa khám phá những điều mới lạ, giúp cho họ *thực mục sở thị* và mở rộng tầm hiểu biết về con người, phong tục tập quán và văn hóa xã hội của mỗi địa phương mà trước đó, họ có thể chỉ được biết đến hoàn toàn qua sách vở, các phương tiện thông tin đại chúng và chưa thể có hình dung cụ thể nào. Du lịch tộc người tạo nên những điểm riêng của từng vùng miền để phân biệt với các vùng miền khác. Mỗi chuyến du lịch văn hóa giúp cho khách du lịch không chỉ có khoảng thời gian nghỉ ngơi thư giãn, thưởng thức những ưu đãi do thiên nhiên ban tặng mà còn được cung cấp những kiến thức văn hóa thông qua hoạt động tham quan thực tế, được nâng cao tầm hiểu biết của mình. Vì vậy, đối tượng khách du lịch ham hiểu biết và có trình độ học vấn cao đều rất ưa thích loại hình du lịch văn hóa.

Du lịch cũng có những tác động trở lại đối với văn hóa tộc người. Nhờ có các hoạt động du lịch mà văn hóa tộc người ở địa phương được đông đảo khách du lịch thuộc nhiều quốc gia, tộc người, tầng lớp, lứa tuổi khác nhau biết đến. Mỗi người trong số họ có thể góp phần quảng cáo có hiệu quả cho đông đảo những người khác, thu hút ngày càng nhiều khách du lịch đến thăm địa phương, góp phần mang lại thu nhập cho địa phương nói chung và các hộ gia đình tham gia phục vụ du lịch nói riêng. Hoạt động du lịch diễn ra ở địa phương còn có tác dụng thu hút đầu tư từ các nguồn khác nhau để nâng cấp cơ sở hạ tầng của địa phương, giúp cho người dân được hưởng lợi, góp phần nâng cao điều kiện sống và sinh hoạt của họ. Ngoài ra, du lịch cũng đánh thức, làm sống lại hoặc có thể làm mới những yếu tố văn hóa truyền thống của người dân địa phương, giúp cho họ có ý thức hơn trong việc gìn giữ văn hóa, phong tục truyền thống của mình để có thể đưa vào khai thác phục vụ du lịch một cách hiệu quả và bền vững. Đồng thời, nó cũng ngăn chặn được tình trạng người dân bị cuốn theo quá trình toàn cầu hóa, bỏ dần những yếu tố truyền thống để chạy theo những yếu tố hiện đại, hấp dẫn và thuận tiện hơn đối với họ. Tuy nhiên, nếu không kiểm soát được những hoạt động và ảnh hưởng của du lịch, nói cách khác là ảnh hưởng của khách du lịch, với nhiều màu da, tầng lớp, lứa tuổi và cách sống khác nhau, đối với người dân tộc tại chỗ thì chính du lịch sẽ đẩy mạnh hơn quá trình toàn cầu hóa ở địa phương, làm mai một, thậm chí làm mất hẳn những yếu tố truyền thống của tộc người. Trong trường hợp này, du lịch không làm cho văn hóa tộc người hồi sinh, phát triển mà sẽ đẩy văn hóa tộc người đến tình trạng suy thoái, thậm chí là suy vong.

Văn hóa truyền thống được bảo tồn và phát huy đúng mức sẽ tạo nên sức hấp dẫn của địa phương đối với du lịch, tạo cơ hội cho du lịch có thể phát triển hơn nữa về phạm vi hoạt động và chất lượng phục vụ. Ngược lại, nếu văn hóa truyền thống không được bảo tồn và

phát huy đúng mức sẽ khiến khách du lịch chán nản vì không tìm thấy những đặc trưng tộc người của địa phương, tạo cho họ cảm giác vùng đất này không khác gì so với những vùng đất mà họ đã từng đến. Trong trường hợp này, văn hóa tộc người đã tự đánh mất giá trị của mình và kìm hãm, thậm chí làm mất cơ hội tồn tại và phát triển của du lịch.

2.3. Đánh giá tác động của du lịch cộng đồng với văn hóa tộc người ở Việt Nam

2.3.1. Những tác động tích cực

a. Tác dụng giáo dục

Du lịch khơi dậy lòng yêu quê hương đất nước của mỗi con người một cách tự nhiên, góp phần giáo dục những bài học về địa lý, lịch sử, mỹ thuật và dân tộc học một cách thiết thực nhất, làm tăng thêm sự hiểu biết của người dân về con người, cảnh vật ở các vùng miền khác nhau.

b. Xóa đói giảm nghèo, tăng thu nhập cho người dân

Một trong những lợi ích dễ nhận thấy nhất của du lịch là tăng thu nhập, nâng cao đời sống của người dân các dân tộc thiểu số. Những việc làm do du lịch mang lại đã góp phần xóa đói giảm nghèo, từ đó làm giảm áp lực lên môi trường, góp phần ngăn chặn tệ nạn phá rừng và các tệ nạn xã hội phát sinh từ tình trạng dư thừa lao động. Về góc độ kinh tế, du lịch đóng góp tỷ trọng lớn cho thu nhập của địa phương. Ở Mai Châu, những người tham gia dịch vụ du lịch có thu nhập cao hơn so với những người làm thuần nông từ 2-7 lần; những người tham gia dệt thổ cẩm, cung cấp sản phẩm dệt cho du lịch có thu nhập cao hơn những người lao động thuần nông từ 2-4 lần. Đối với những người Hmông, Dao thường xuyên đi bán hàng ở quanh thị trấn Sa Pa thì thu nhập từ du lịch có thể chiếm từ 10-50% tổng thu nhập của hộ gia đình trong vòng một tháng. Người Lô Lô Đen ở Lũng Cú chủ yếu có thu nhập thêm từ các hoạt động dịch vụ du lịch: thu nhập từ kinh doanh du lịch cao gấp 5,5 lần, thu nhập từ bán hàng lưu niệm cao gấp 10 lần so với thu nhập từ nông nghiệp [Tư liệu điền dã].

c. Giảm quá trình đô thị hóa

Về mặt xã hội, du lịch làm giảm quá trình đô thị hóa, góp phần tạo việc làm cho người dân sống ở miền núi. Năm 1995, số lao động làm việc trong ngành du lịch ở khu vực miền núi là 5.304 người, đến 1998 đã có 6.956 người, cuối năm 2001, du lịch thu hút được 8.600 lao động [11]. Từ đầu những năm 2000 trở lại đây, tại các điểm du lịch văn hóa, số lượng người tham gia trực tiếp vào hoạt động phục vụ du lịch không nhiều, chỉ tập trung vào một số gia đình trong thôn, bản nhưng số lượng những người tham gia gián tiếp đã tăng lên rất nhiều. Trong số những lao động tìm được việc làm dịch vụ du lịch có một bộ phận không nhỏ là người dân tộc thiểu số, nhất là những người phụ nữ. Du lịch giúp họ có khả năng kiếm tiền được nhiều hơn với các công việc dệt vải và hơn so với lao động nông nghiệp, lại có thể tận dụng được khả năng vốn có của những người phụ nữ dân tộc về dệt vải, thêu thùa, đã tạo nên bước thay đổi lớn trong cuộc sống của họ, điển hình có người Thái Mai Châu, Hòa Bình và người Hmông, Dao ở Sa Pa. Từ đó, sự phân công giới trong lao động tại một số gia đình cũng có sự biến chuyển, vị thế của người phụ nữ trong gia đình được nâng lên.

d. Thúc đẩy giao lưu văn hóa giữa các tộc người

Du lịch cũng góp phần mở rộng giao lưu, tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau giữa các tộc người. Trước kia, các cộng đồng dân tộc thiểu số thường chỉ sống khép kín, sự tiếp xúc với các tộc người khác sống kề cận cũng chỉ thỉnh thoảng diễn ra ở các phiên chợ. Du lịch phát triển đã đưa khách du lịch từ mọi quốc gia, dân tộc, mọi lứa tuổi, tầng lớp xã hội, nghề nghiệp khác nhau đến với cộng đồng của họ, giúp cho những người dân tộc thiểu số có cơ hội giao lưu tiếp xúc và hiểu biết nhiều hơn với các cộng đồng dân tộc khác, giúp cho các tộc người khác nhau ở Việt Nam nói riêng và ở các quốc gia trên thế giới nói chung xích lại gần nhau hơn. Một số gia đình làm du lịch ở Hòa Bình hay Hà Giang đều có mối liên hệ thân thiết với khách du lịch trong và ngoài nước, cá biệt có trường hợp còn nhận được sự giúp đỡ, đầu tư của họ để tiếp tục phát triển du lịch.

e. Hồi sinh và bảo tồn các giá trị văn hóa tộc người

Du lịch góp phần làm hồi sinh những giá trị văn hóa tưởng chừng đã bị mai một, lãng quên. Những giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc trong xu hướng toàn cầu hóa đã bị phai nhạt khá nhiều, đến gần hơn với văn hóa của người Kinh, thể hiện trong trang phục, nhà cửa, ngôn ngữ, các lễ hội, phong tục và nghề thủ công truyền thống... Du lịch đến với các tộc người và phát triển dựa trên cơ sở quan trọng là văn hóa truyền thống đã đánh thức người dân bản địa cần phải quay trở lại với bản sắc dân tộc của mình vì chỉ có bản sắc văn hóa truyền thống mới có thể mời gọi, giữ chân khách du lịch đến với địa phương. Điều này khiến cho người dân có ý thức trong việc khôi phục, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa của mình vì mục đích phát triển du lịch lâu dài. Chúng ta có thể nhận thấy rõ điều này ở cộng đồng Thái Mai Châu với sự hồi sinh của nghề dệt truyền thống, người Lô Lô ở Lũng Cú với những ngôi nhà trình tường được xây dựng mới,...

g. Góp phần phát triển cơ sở hạ tầng ở địa phương

Du lịch phát triển khiến cho bộ mặt cảnh quan của địa phương được làm mới một cách nhanh chóng: cơ sở hạ tầng được nâng cấp, hàng hóa phong phú, cuộc sống của người dân thoát khỏi tình trạng tự cấp tự túc tri tri, người dân có hướng sinh kế mới hiệu quả hơn. Cũng nhờ có du lịch mà những thông tin về địa phương được nhiều người, tổ chức biết đến và có các chương trình đầu tư phù hợp. Từ 2002, huyện Mai Châu đã được Dự án xây dựng cơ sở làng nghề đầu tư vốn nhằm tạo cơ sở ban đầu cho việc phát triển làng nghề với kinh phí 5,7 tỷ đồng; cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA) đã có cuộc khảo sát tại Mai Châu để quy hoạch phát triển ngành nghề truyền thống, đã đầu tư cho người dân trồng dâu, bông để dệt vải thổ cẩm và vải tơ tằm. Điểm du lịch Sa Pa thu hút được nhiều chương trình, dự án đầu tư hơn. Các chương trình, dự án đã hỗ trợ trực tiếp cho phát triển sản xuất và nâng cao năng lực của các cộng đồng người thiểu số nhằm bảo tồn truyền thống văn hóa và các ngành nghề truyền thống như: chương trình nghiên cứu rừng của tổ chức Frontier ở Việt Nam, dự án thổ cẩm do Hội Phụ nữ huyện chủ trì, dự án đào tạo cán bộ lãnh đạo xã của các dân tộc thiểu số do CIDA và Đại sứ quán Canada ở Hà Nội tài trợ. Các điểm du lịch cũng là địa chỉ tài trợ của các tổ chức như: IUCN, WWF, UNDP... ở thị trấn Sa Pa, Mai Châu, thôn Lô Lô Chải ở

Lũng Cú được một người Nhật đầu tư cơ sở vật chất...Các chương trình, dự án như vậy đã giúp cho người dân ở các vùng du lịch có thể hòa nhập cùng quá trình phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế - xã hội của đất nước.

2.3.2. Những tác động tiêu cực

a. Tình trạng bỏ học, tham gia lao động sớm của trẻ em

Lao động trẻ em ở các khu du lịch đa phần là người dân tộc thiểu số đang trong độ tuổi đến trường. Vì tham gia các dịch vụ du lịch, các em đều bỏ đến trường. Chúng ta có thể thấy rõ điều này ở các khu du lịch lớn như Sa Pa, Lũng Cú, điều này gây ảnh hưởng lâu dài đến chất lượng nguồn nhân lực trong cộng đồng.

b. Gia tăng tình trạng ô nhiễm môi trường

Hoạt động du lịch làm gia tăng tình trạng ô nhiễm môi trường tại các điểm du lịch. Tình trạng phóng uế, vứt rác, bôi bẩn,...đã và đang thường xuyên xảy ra ở tất cả các điểm du lịch trong cả nước. Ở vùng miền núi, nhu cầu ăn uống, sưởi ấm, đốt lửa trại của khách du lịch đã làm gia tăng áp lực lên tài nguyên rừng. Điều kiện cơ sở hạ tầng chưa theo kịp mức độ phát triển nhanh của du lịch đã làm xuất hiện tình trạng mất vệ sinh, ô nhiễm khá nghiêm trọng như ở bản Lác, Mai Châu, Hòa Bình, một số hộ kinh doanh du lịch chưa xây dựng được hệ thống xử lý vệ sinh mà dồn hết các chất thải ra khu vực sau nhà gây hiện tượng mất mỹ quan thôn bản, làm ảnh hưởng đến môi trường sống và sức khỏe cộng đồng. Ở Sa Pa và một số điểm du lịch khác, rác vứt bừa bãi ngay tại khu vực trung tâm du lịch, không được thu dọn và xử lý đúng quy cách, phong lan bị khai thác quá mức, thú rừng bị bắt, giết để làm những món ăn đặc sản...vừa tạo hình ảnh phản cảm đối với khách du lịch vừa gây tổn hại đến môi trường sinh thái ở các khu du lịch.

c. Thương mại hóa các sản phẩm văn hóa du lịch

Tình trạng thương mại hóa đã và đang gia tăng ở hầu hết các điểm du lịch. Chất lượng của hàng lưu niệm được làm thủ công để bán cho khách du lịch không được đảm bảo cả về giá trị và ý nghĩa sử dụng. Ở nhiều nơi, người ta bán cho khách du lịch những sản phẩm trang sức giả, những sản phẩm thủ công không được làm bằng đúng chất liệu và kỹ thuật của người dân các dân tộc thiểu số...với giá đắt hơn cả giá của những sản phẩm thật.

Những hoạt động văn hóa, lễ hội đã bị mất đi không gian văn hóa thực và được thay bằng các hoạt động trình diễn như múa *khèn* của người Hmông ở Sa Pa, múa trống đồng của người Lô Lô ở Lũng Cú...Những hoạt động trình diễn văn hóa để phục vụ khách du lịch đã làm ngày càng nhạt dần chất truyền thống vốn có khiến cho không những khách du lịch mà chính thế hệ trẻ của cộng đồng tộc người hiểu sai lệch về văn hóa truyền thống của các tộc người. Điều này cũng khiến cho những tiết mục trình diễn ở các địa phương đều na ná giống nhau, không có điểm nhấn ghi dấu ấn riêng của từng địa phương, làm giảm sức thu hút đối với khách du lịch.

d. Khách du lịch bị làm phiền

Khách du lịch bị làm phiền với các hình thức như: người dân đòi tiền khi khách chụp

ảnh; những người bán hàng rong chạy theo khách du lịch, vây lấy họ ở mọi nơi, mọi lúc để nài nỉ họ mua hàng cho mình, thậm chí còn thông qua việc bán hàng để xin tiền của khách, cá biệt có các trường hợp trộm đồ của khách... Bên cạnh đó là sự cạnh tranh không lành mạnh giữa những người phục vụ du lịch... vừa làm mất mỹ quan, vừa khiến khách du lịch cảm thấy khó chịu.

e. Những hệ lụy phát sinh từ du lịch

Du lịch làm thay đổi đời sống xã hội của một bộ phận người dân. Nguồn thu từ du lịch không đồng đều giữa những người tham gia dịch vụ du lịch có thể gây nên sự bất bình đẳng, làm rạn nứt các mối quan hệ trong nội bộ cộng đồng. Những người dân tộc thiểu số dời khỏi nhà trong khoảng thời gian dài để đến với khu du lịch, hàng ngày tiếp xúc với cuộc sống đô thị và đã có những thay đổi trong cách nghĩ, cách sống. Điều này khiến họ khó khăn hơn trong việc hòa đồng và gắn bó với cộng đồng mà họ đã sinh ra và lớn lên như trước khi có du lịch. Những người phụ nữ phải tạm rời xa trách nhiệm làm vợ, làm mẹ, làm bà của mình để đến sống ở các khu du lịch trong điều kiện khó khăn, thiếu thốn. Một bộ phận thanh thiếu niên, nhất là những trẻ em gái vì chạy theo mối lợi mà du lịch mang lại đã đánh mất cơ hội đến trường để nâng cao hiểu biết, ngoài ra, chúng rất dễ bị cám dỗ và trở thành nạn nhân của các tệ nạn xã hội. Điều này được thể hiện rõ nhất ở khu du lịch Sa Pa.

Du lịch đến với các cộng đồng tộc người đã mang theo và làm gia tăng các tệ nạn xã hội ở địa phương. Du khách đến với các vùng miền núi đem theo lối sống giàu sang, lãng phí và nặng về nhu cầu hưởng thụ, đối lập với lối sống thanh đạm, nghèo khó của người dân tại chỗ đã nhanh chóng cuốn người dân, nhất là những người trẻ tuổi theo lối sống đó cùng với những mặt trái của nó. Giới trẻ tiếp thu rất nhanh những yếu tố văn hóa ngoại lai do khách du lịch mang đến, trong đó có những yếu tố không phù hợp với văn hóa và phong tục tập quán của đồng bào. Bên cạnh đó, ở các khu vực xung quanh các lễ hội thường xuất hiện tệ nạn cờ bạc dưới các hình thức như: Chọi gà, xóc đĩa,... làm mất mỹ quan, ảnh hưởng xấu đến không gian văn hóa chung. Các loại tệ nạn vốn phổ biến ở các vùng đô thị như: Mại dâm, ma túy, nhiễm HIV cũng đã có mặt ngày càng nhiều ở các vùng đất vốn rất yên bình trước khi có sự phát triển của du lịch và nó ảnh hưởng trực tiếp đến thể hệ trẻ ở địa phương. Ở Mai Châu, số lượng người bị nhiễm HIV ở khu vực thị trấn tăng nhanh từ đầu những năm 90 trở lại đây, trong đó bao gồm nhiều thanh niên nghiện ma túy và những phụ nữ hành nghề mại dâm. Nhiều trẻ em ở Sa Pa không chịu về nhà mà chỉ thích lang thang đi chơi cùng khách du lịch, dễ bị lợi dụng để làm những việc xấu như: Bán ma túy, môi giới mại dâm, có thể bị lạm dụng tình dục, bị nhiễm HIV,... Các tệ nạn này đã làm băng hoại đạo đức và các giá trị tộc người.

Trong xu hướng toàn cầu hóa hiện nay, sự giao lưu, tiếp xúc giữa các quốc gia, vùng miền ngày càng được đẩy mạnh, du lịch có đóng góp phần lớn vào quá trình này. Du lịch phát triển mạnh ở khu vực nào thì nhịp sống ở khu vực đó càng trở nên hối hả và có sự thay đổi mạnh mẽ. Sự thay đổi đó được thể hiện ở cả hai mặt: tích cực và tiêu cực. Thực tế ở các vùng du lịch văn hóa của Việt Nam hiện nay cho thấy du lịch phát triển mang tính tự phát cao, nhiều nơi hầu như không có hoặc có rất ít sự quản lý và điều chỉnh của các cấp chính

quyền, cơ quan du lịch, cơ quan quản lý văn hóa,... đối với các hoạt động du lịch diễn ra ở địa phương. Chính vì thế, công tác định hướng phát triển du lịch để đảm bảo hài hòa trong việc hưởng lợi từ du lịch của cộng đồng, phát huy những ảnh hưởng tích cực và làm giảm thiểu những tác động tiêu cực từ du lịch vẫn còn bị hạn chế nhiều. Nếu người dân tiếp tục tham gia vào các dịch vụ du lịch theo cách nghĩ và cách làm của họ, chỉ chạy theo những mối lợi trước mắt thì chắc chắn sẽ không tránh khỏi tình trạng mai một văn hóa truyền thống kèm theo sự xuống cấp về chất lượng của du lịch.

3. KẾT LUẬN

Phát triển du lịch ở các vùng dân tộc thiểu số là một trong những hướng đi đúng đắn giúp cho việc nâng cao đời sống của người dân miền núi nói chung, đồng bào các dân tộc thiểu số nói riêng. Du lịch không những giúp người dân ở các địa phương nhanh chóng cải thiện đời sống kinh tế mà còn khuyến khích họ bảo tồn văn hóa truyền thống và tăng cường giao lưu văn hóa, mở rộng quan hệ xã hội. Tuy nhiên, nếu du lịch phát triển mà không có quy hoạch và định hướng đúng đắn thì sẽ gây những tác động ngược lại, làm tổn hại cộng đồng dân tộc sinh sống ở địa phương và tự đánh mất chỗ đứng của chính mình. Để có thể phát triển được bền vững, du lịch văn hóa cần phải được chú trọng ở các mặt sau:

Quy hoạch phát triển ở vùng các dân tộc thiểu số cần phải dựa trên nền tảng là văn hóa truyền thống của các tộc người và được đưa vào quy hoạch phát triển chung của địa phương.

Duy trì tính đa dạng của tự nhiên, xã hội và văn hóa của mỗi địa phương, vùng miền để tạo sức hấp dẫn cho du lịch.

Việc mở rộng và phát triển du lịch cần phải được gắn liền với việc bảo tồn văn hóa truyền thống. Khi đưa các giá trị văn hóa vào khai thác phục vụ hoạt động du lịch cần phải giữ nguyên vốn cổ vì đó mới là những giá trị văn hóa đích thực mà du khách hướng tới. Cần kết hợp chặt chẽ giữa hai yếu tố: Tự nhiên và văn hóa để tạo ra những sản phẩm du lịch độc đáo, có sức hấp dẫn đối với du khách.

Cần có những chính sách và kế hoạch kiểm soát chặt chẽ để ngăn chặn kịp thời các tệ nạn xã hội ở vùng các dân tộc thiểu số có tổ chức các hoạt động du lịch. Việc làm này vừa giữ được tài nguyên du lịch, vừa tránh được những tác động không mong muốn tới cộng đồng các dân tộc. Khuyến khích người dân tham gia và hưởng lợi từ các hoạt động du lịch, duy trì các hoạt động văn hóa truyền thống, khôi phục, phát triển các ngành nghề thủ công truyền thống, ưu tiên đào tạo nguồn nhân lực tại chỗ thành lực lượng phục vụ du lịch chuyên nghiệp; tuyên truyền, giáo dục cho người dân ở các điểm du lịch về cách ứng xử văn minh trong quá trình phục vụ du lịch, khuyến khích họ phát huy những giá trị đích thực và loại bỏ những yếu tố phi văn hóa trong các sản phẩm du lịch.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Khoa Nhân học, Trường Đại học KHXH và Nhân văn thành phố Hồ Chí Minh - Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, (2008), *Nhân học đại cương*, Nxb. ĐHQG thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bùi Xuân Đính, *Giáo trình giảng dạy văn hóa du lịch*.
3. Nguyễn Văn Đính, Trần Thị Minh Hòa (đồng chủ biên, 2006), *Giáo trình kinh tế du lịch*, Nxb. Lao động Xã hội.
4. Grant Evans chủ biên (2001), *Bức khảm văn hóa châu Á, tiếp cận nhân học*, Nxb. Văn hóa Dân tộc.
5. Lê Thị Hà (2008), *Hoạt động du lịch tại bản Lác, xã Chiềng Châu, huyện Mai Châu, tỉnh Hòa Bình từ 2005-2008*, Khóa luận tốt nghiệp ngành văn hóa du lịch.
6. Hiệp hội Bảo tồn thiên nhiên Quốc tế tại Việt Nam (1997), *Xây dựng năng lực phục vụ các sáng kiến về du lịch bền vững*, Đề cương dự án.
7. Phạm Thị Mộng Hoa, Lâm Thị Mai Lan (2000), *Du lịch với dân tộc thiểu số ở Sa Pa*, Nxb. Văn hóa Dân tộc.
8. Trần Thị Mai Lan, Lê Thị Hường (2018), "Văn hóa của người Lô Lô Đen trong bối cảnh biến đổi kinh tế và du lịch ở tỉnh Hà Giang", *Tạp chí Dân tộc học*, số 5.
9. Nguyễn Hạnh Nguyên (2006), "Khai thác hệ thống di tích lễ hội khu vực đảo Quan Lạn phục vụ cho phát triển du lịch", *Khóa luận tốt nghiệp ngành văn hóa du lịch*.
10. Trần Quốc Vượng (chủ biên, 1996), *Văn hóa học đại cương và cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội.

RELATIONSHIP BETWEEN HUMAN CULTURE AND COMMUNITY TOURISM IN ETHNIC MINORITY AREAS IN VIETNAM

Abstract: *In recent years, the development of tourism in the mountain which takes the ethnic culture as the basic element to attract tourists has been taken place in many regions including the border highlands and impoverished ethnic minority areas. Tourism has contributed to improve the living standards, reduce poverty for a part of the mountainous population, and increase revenue for the local budget. However, the opposite effect from tourism to the community and the sustainability of community cultural tourism activities in localities are creating challenges for cultural management and tourism development agencies in terms of finding solutions to adjust community tourism in local areas in the future.*

Keywords: *Ethnic culture, tourism, community tourism, cultural tourism.*